

KHOẢNG CÁCH GIỮA TUÂN THỦ VÀ HIỆU QUẢ THỰC CHẤT TRONG QUẢN LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG THÀNH PHỐ ĐỒNG NAI

TĂNG TRÍ HÙNG^{1,*} - NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC^{2,}**

¹Nhóm nghiên cứu định lượng trong kinh tế

Khoa Khoa học cơ bản, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Faculty of Fundamental Science, Dong Nai University of Technology

²Khoa Kinh tế, Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai

Faculty of Economics, Dong Nai University of Technology

*Email: tangtrihung@dntu.edu.vn; **Email: 1024900013@dntu.edu.vn

Ngày nhận bài: 24/6/2026

Ngày sửa bài: 8/7/2026

Ngày duyệt đăng bài: 27/7/2026

D

Tóm tắt:

Nghiên cứu phân tích khoảng cách giữa mức độ tuân thủ quy định và hiệu quả vận hành trong quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan Đảng TP. Đồng Nai. Khung phân tích dựa trên lý thuyết quản trị công mới, lý thuyết thể chế, cách tiếp cận giá trị công và quản lý tài sản theo vòng đời. Dữ liệu thống kê gồm 116 phiếu khảo sát hợp lệ tại 6 cơ quan thuộc Khối Đảng TP. Đồng Nai. Kết quả cho thấy, thể chế và quy chế nội bộ (3,63/5) và kiểm tra, giám sát (3,56/5) được đánh giá cao, trong khi dữ liệu và chuyển đổi số thấp nhất (3,06/5). Các hạn chế chính gồm thiếu phần mềm quản lý tài sản dùng chung (2,53/5), hiệu quả điều chuyển và khai thác tài sản còn thấp (2,79/5), và năng lực sử dụng phần mềm của cán bộ chưa đáp ứng yêu cầu (2,81/5). Từ kết quả, nghiên cứu đề xuất ưu tiên chuẩn hóa dữ liệu, quản lý theo vòng đời, điều chuyển trước mua sắm, phát triển phần mềm tập trung và kiểm tra dựa trên rủi ro.

Từ khóa: tài sản công, cơ quan Đảng, quản trị theo dữ liệu, quản lý vòng đời tài sản, trách nhiệm giải trình, TP. Đồng Nai

The compliance-performance gap in public asset management at Party agencies in Dong Nai City

Abstract:

This study examines the gap between regulatory compliance and operational effectiveness in public asset management at Party agencies in Dong Nai City. The analytical framework integrates new public governance, institutional theory, the public value approach, and life-cycle asset management. Data from 116 valid questionnaires across six Party agencies were analyzed using descriptive statistics. Internal institutions and regulations (3.63/5) and inspection and supervision (3.56/5) received relatively high evaluations, while data and digital transformation scored lowest (3.06/5). Major limitations include the absence of shared asset-management software, inefficient asset transfer and utilization, and inadequate staff software skills. The study recommends data standardization, life-cycle management, prioritizing asset reallocation before new procurement, centralized software development, and risk-based inspection.

Keywords: public assets, Party agencies, data-driven governance, asset life-cycle management, accountability, Dong Nai City

1. Đặt vấn đề

Tài sản công là điều kiện vật chất để các cơ quan trong hệ thống chính trị thực hiện chức năng được giao. Giá trị của tài sản không chỉ nằm ở nguyên giá kế toán, mà còn thể hiện ở khả năng duy trì hoạt động, hỗ trợ ra quyết định, bảo đảm an toàn thông tin và tạo ra giá trị công. Do đó, quản lý tài sản công không thể dừng ở việc ghi tăng, ghi giảm, kiểm kê và bảo quản. Yêu cầu cốt lõi là phân bổ đúng nhu cầu, khai thác đủ công suất, duy trì trạng thái kỹ thuật phù hợp và xử lý kịp thời tài sản không còn đáp ứng nhiệm vụ.

Trong thực tiễn khu vực công, một nghịch lý thường xuất hiện: cơ quan có thể tuân thủ tương đối đầy đủ thủ tục nhưng hiệu quả sử dụng tài sản vẫn chưa cao. Quy chế được ban hành, kiểm kê được tổ chức và hồ sơ được lập, song dữ liệu còn phân tán, bảo trì mang tính xử lý sự cố, tài sản dôi dư chậm điều chuyển hoặc thiếu cơ chế sử dụng chung. Nghịch lý này có ý nghĩa đặc biệt trong bối cảnh sắp xếp tổ chức bộ máy và chuyển đổi số, khi phạm vi quản lý, đầu mối chịu trách nhiệm và nhu cầu sử dụng tài sản thay đổi nhanh.

Đối với các cơ quan Đảng TP. Đồng Nai, tài sản công gồm trụ sở, quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, thiết bị văn phòng, hạ tầng công nghệ thông tin, phương tiện hội nghị, lưu trữ và các tài sản chuyên dùng khác. Các nhóm tài sản này vừa phải tuân thủ pháp luật về tài sản công, vừa đáp ứng yêu cầu bảo mật, tính liên tục của hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo và điều hành. Nghị định số 52/2026/NĐ-CP tạo khung pháp lý chuyên biệt cho quản lý tài sản tại cơ quan Đảng, trong khi ISO 55000:2024 nhấn mạnh việc gắn mục tiêu quản lý tài sản với mục tiêu tổ chức, quản trị rủi ro và giá trị thu được trong toàn bộ vòng đời tài sản.

Các nghiên cứu trước đây đã làm rõ vai trò của chuẩn hóa quy trình, chính sách công, bảo trì và dữ liệu đối với hiệu quả quản lý tài sản (Batac et al., 2021; Da Silva & De Souza, 2022). Tuy nhiên, bằng chứng thực nghiệm về khoảng cách giữa tuân thủ và hiệu quả thực chất tại các cơ quan Đảng cấp địa phương còn hạn chế. Nghiên cứu này tập trung trả lời 2 câu hỏi: (1) những phương diện nào đang tạo nên tăng tích cực cho quản lý tài sản công; và (2) những hạn chế nào cần được ưu tiên xử lý để chuyển từ quản lý đang thiên về thủ tục sang quản trị dựa trên dữ liệu và vòng đời tài sản.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Quản trị công mới cho rằng, hiệu quả của khu vực công cần được đánh giá bằng kết quả, năng suất và trách nhiệm giải trình, thay vì chỉ dựa vào mức độ chấp hành quy trình (Hood, 1991). Theo cách tiếp cận này, tài sản công là một nguồn lực đầu vào phải tạo ra kết quả phục vụ nhiệm vụ chính trị và hành chính. Một tài sản được quản lý đúng hồ sơ nhưng ít được sử dụng, chậm bảo trì hoặc không còn phù hợp nhu cầu vẫn phản ánh hiệu quả thấp.

Lý thuyết thể chế giải thích vì sao các tổ chức chú trọng ban hành quy chế, chuẩn hóa hồ sơ và đáp ứng yêu cầu giám sát để duy trì tính hợp pháp (Meyer & Rowan, 1977; Scott, 2014). Tuy nhiên, tuân thủ có thể mang tính hình thức nếu các quy định chưa được chuyển thành năng lực vận hành. Do đó, khoảng cách giữa “có quy chế” và “tài sản tạo ra giá trị” là một đối tượng cần đo lường.

Lý thuyết giá trị công bổ sung yêu cầu đánh giá tài sản theo đóng góp đối với việc hoàn thành sứ mệnh, chất lượng điều hành và lợi ích công (Moore, 1995). Đối với cơ quan Đảng, hiệu quả không được đo bằng lợi nhuận mà bằng mức độ đáp ứng nhiệm vụ, tính sẵn sàng, an toàn, bảo mật và tiết kiệm nguồn lực.

Cách tiếp cận vòng đời tài sản xem quản lý là chuỗi liên tục từ xác định nhu cầu, mua sắm, tiếp nhận, vận hành, bảo trì, điều chuyển đến xử lý cuối vòng đời. ISO 55000:2024 nhấn mạnh sự liên kết giữa mục tiêu tổ chức, giá trị, rủi ro và hiệu suất tài sản. Da Silva & De Souza (2022) cho thấy, bảo trì cần được tích hợp vào hệ thống quản lý tài sản thay vì xử lý như hoạt động kỹ thuật riêng lẻ. Batac et al. (2021) cũng chỉ ra, môi trường chính sách, chuẩn hóa và dữ liệu là điều kiện để quản lý tài sản phát huy hiệu quả.

Từ các lập luận trên, nghiên cứu sử dụng 6 nhóm tiêu chí: thể chế và quy chế nội bộ; năng lực đội ngũ; dữ liệu và chuyển đổi số; phối hợp quản lý; kiểm tra, giám sát; và hiệu quả sử dụng tài sản. Sự chênh lệch giữa các nhóm phản ánh mức độ chuyển hóa từ tuân thủ sang hiệu quả vận hành.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng thiết kế định tính kết hợp thống kê mô tả. Khảo sát được thực hiện tại Văn phòng Thành ủy và năm cơ quan tham mưu, giúp việc trực thuộc. Bảng hỏi gồm 25 biến quan sát thuộc sáu nhóm tiêu chí, sử dụng thang Likert 5 mức. Trước khảo sát chính thức, nội dung bảng hỏi được tham vấn bởi 5 chuyên gia có kinh nghiệm trong quản lý tài sản công và quản lý hành chính; các câu hỏi được hiệu chỉnh để làm rõ đối tượng, phạm vi và nội dung đánh giá.

Sau quá trình làm sạch dữ liệu, 116 phiếu hợp lệ được đưa vào phân tích. Trong mẫu khảo sát, cán bộ quản trị chiếm 51,72%; văn thư - lưu trữ chiếm 17,24%; lãnh đạo chiếm 12,07%; chuyên viên chiếm 11,21%; và kế toán chiếm 7,76%. Có 84,49% người trả lời có thâm niên từ 5 năm trở lên. Cơ cấu này bảo đảm sự hiện diện của các vị trí trực tiếp theo dõi tài sản, người sử dụng tài sản và chủ thể có trách nhiệm quản lý tài sản.

Dữ liệu được xử lý trên Microsoft Excel bằng tần suất, tỷ lệ và điểm trung bình. Kết quả khảo sát được đối chiếu với báo cáo kiểm kê, báo cáo quản lý tài sản và nội dung tham vấn chuyên gia. Phương pháp này phù hợp với mục tiêu nhận diện hiện trạng và thứ tự ưu tiên quản trị; nghiên cứu không nhằm xác lập quan hệ nhân quả giữa các nhóm yếu tố.

Bảng 1. Đặc điểm mẫu khảo sát

Đặc điểm	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Cán bộ quản trị	60	51,72
Văn thư - lưu trữ	20	17,24
Lãnh đạo	14	12,07
Chuyên viên	13	11,21
Kế toán	9	7,76
Thâm niên từ 5 năm trở lên	98	84,49

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2026

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Nền tảng tuân thủ đã được hình thành

Kết quả nghiên cứu cho thấy, công tác quản lý tài sản công tại các cơ quan được khảo sát đã hình thành nền tảng tuân thủ tương đối vững chắc. Trong 6 nhóm nhân tố, nhóm thể chế và quy chế nội bộ đạt điểm trung bình cao nhất (3,63/5,0), tiếp theo là nhóm kiểm tra và giám sát (3,56 điểm). Ở cấp độ biến quan sát, các nội dung đạt điểm cao nhất bao gồm: công tác kiểm kê định kỳ (3,97 điểm), ban hành quy chế quản lý (3,88 điểm) và quy trình mua sắm đúng quy định (3,83 điểm). Điều này phản ánh ba điểm tích cực: quy tắc quản lý được văn bản hóa, hoạt động kiểm kê đi vào nề nếp và quy trình mua sắm có mức độ nhận diện cao.

Tuy nhiên, nền tảng tuân thủ này mới chỉ là "điều kiện cần" chứ chưa phải "điều kiện đủ" để tối ưu hóa giá trị tài sản. Điểm số của nhóm hiệu quả sử dụng tài sản chỉ đạt 3,24 điểm (tương đương nhóm năng lực đội ngũ), thấp hơn đáng kể so với nhóm thể chế và kiểm tra.

Mặc dù dữ liệu thứ cấp giai đoạn 2023-2025 ghi nhận sự cải thiện về tỷ lệ cập nhật dữ liệu, kiểm kê đúng hạn và giảm tài sản dôi dư, xu hướng tích cực này vẫn đối mặt với giới hạn kỹ thuật. Nếu việc tích

hợp dữ liệu còn thực hiện thủ công và thiếu mã định danh thống nhất, tỷ lệ báo cáo cao chưa thể bảo đảm tính chính xác cũng như năng lực hỗ trợ ra quyết định quản trị.

Bảng 2. Điểm đánh giá các nhóm tiêu chí

Nhóm tiêu chí	Điểm trung bình	Nhận định
Thế chế và quy chế nội bộ	3,63	Cao nhất
Kiểm tra và giám sát	3,56	Tương đối tích cực
Phối hợp quản lý	3,25	Mức trung bình
Năng lực đội ngũ	3,24	Mức trung bình
Hiệu quả sử dụng tài sản	3,24	Mức trung bình
Dữ liệu và chuyển đổi số	3,06	Thấp nhất

Nguồn: Kết quả khảo sát của tác giả, 2026

3.2. Hạn chế về dữ liệu, năng lực số và quản lý vòng đời

Hạn chế lớn nhất trong quản lý tài sản công tại các đơn vị khảo sát nằm ở dữ liệu và chuyển đổi số (trung bình 3,06 điểm). Trong đó, biến “đơn vị có phần mềm quản lý” đạt điểm thấp nhất toàn bộ bảng hỏi (2,53 điểm), cùng với năng lực sử dụng phần mềm của cán bộ ở mức thấp (2,81 điểm). Thực trạng này phản ánh hạn chế kép: sự thiếu hụt công cụ công nghệ lẫn năng lực hấp thụ và chuẩn hóa quy trình trước khi số hóa.

Việc thiếu nền tảng dữ liệu dùng chung dẫn đến tình trạng phân mảnh thông tin (dưới dạng bảng tính rời, hồ sơ giấy hoặc phần mềm cục bộ). Hệ quả là thông tin tài sản không đồng nhất giữa các bộ phận (kế toán, quản trị, đơn vị sử dụng), lịch sử bảo trì khó truy xuất và thông tin cập nhật bất cập, gây rủi ro sai lệch cho các quyết định mua sắm, điều chuyển.

Song song đó, hiệu quả tạo giá trị từ tài sản còn hạn chế. Chi tiêu cho điều chuyển, khai thác (2,79 điểm) và bảo trì theo kế hoạch (2,84 điểm) đều ở mức thấp, cho thấy phương thức quản lý mang tính phản ứng (chỉ xử lý khi hỏng hóc hoặc có chỉ đạo). Hệ quả là gia tăng chi phí gián tiếp, kéo dài thời gian ngưng hoạt động của tài sản và dễ gây đầu tư trùng lặp.

Sau cùng, nhóm phối hợp quản lý chỉ đạt 3,25 điểm. Sự thiếu liên kết khép kín giữa các bộ phận khiến phần mềm (nếu được đầu tư) nguy cơ chỉ đóng vai trò lưu trữ thuần túy thay vì hỗ trợ ra quyết định quản trị.

3.3. Thảo luận

Nghiên cứu chỉ ra phát hiện cốt lõi: khoảng cách giữa tính tuân thủ và hiệu quả thực chất. Nền tảng tuân thủ (quy chế, kiểm kê) đóng vai trò là "điều kiện bảo vệ", giúp giới hạn quyền định đoạt và tăng minh bạch. Tuy nhiên, các cơ chế này chưa được kết nối hiệu quả với dữ liệu, hiệu suất và quyết định phân bổ nguồn lực.

Kết quả này hoàn toàn nhất quán với hai cơ sở lý luận: (1) Lý thuyết thể chế cho rằng tổ chức dễ đạt kết quả cao ở các hoạt động đối phó mang tính thủ tục, hồ sơ; trong khi các năng lực cốt lõi như quản trị dữ liệu, phối hợp liên đơn vị và đánh giá hiệu suất đòi hỏi thời gian, nguồn lực và sự thay đổi hành vi; và (2) Tiêu chuẩn ISO 55000 khẳng định Giá trị tài sản chỉ được tối ưu hóa khi có sự tích hợp đồng bộ giữa mục tiêu tổ chức, thông tin, quản trị rủi ro, kế hoạch bảo trì và quyết định vòng đời.

Từ thực trạng trên, nghiên cứu rút ra 2 hàm ý quản trị quan trọng: (1) Chuyển đổi số theo lộ trình chuẩn hóa Không bắt đầu bằng việc mua sắm phần mềm. Công nghệ chỉ phát huy hiệu quả khi danh mục tài sản được làm sạch, trường dữ liệu chuẩn hóa, trách nhiệm cập nhật rõ ràng và quy trình vận hành được tái thiết kế; và (2) Đổi mới bộ chỉ tiêu đánh giá (KPIs) bằng cách dịch chuyển từ đo lường đầu vào/thủ tục ("đã làm

đúng quy trình chưa") sang đo lường hiệu suất thực chất ("nguồn lực tạo ra giá trị gì"). Các chỉ tiêu mới cần tập trung vào: tỷ lệ sử dụng, thời gian tài sản ngừng hoạt động, chi phí bảo trì, tốc độ xử lý tài sản dôi dư, tỷ lệ điều chuyển thay vì mua mới và độ chính xác của dữ liệu.

3.4. Hàm ý quản trị

Nghiên cứu đề xuất 6 nhóm giải pháp nhằm chuyển dịch quản lý tài sản công từ tư duy tuân thủ thủ tục sang quản trị thực chất dựa trên dữ liệu và hiệu suất:

Thứ hết, chuẩn hóa dữ liệu là tiền đề bắt buộc trước khi số hóa. Mỗi tài sản phải gán mã định danh duy nhất kèm hồ sơ thông tin toàn diện về nguồn gốc, tình trạng kỹ thuật, lịch sử bảo trì và pháp lý. Trách nhiệm cập nhật dữ liệu cần được thực hiện ngay khi phát sinh biến động, tránh tình trạng dồn tích vào kỳ kiểm kê cuối năm.

Thứ hai, công tác bảo trì phải chuyển sang tiếp cận theo vòng đời và mức độ rủi ro. Các tài sản then chốt ảnh hưởng đến vận hành và an toàn hệ thống cần được ưu tiên nguồn lực. Kế hoạch bảo trì phải căn cứ vào tần suất khai thác, hiện trạng thực tế và chi phí vòng đời, thay vì thụ động sửa chữa khi hỏng hóc.

Thứ ba, cần quán triệt nguyên tắc "điều chuyển trước, mua sắm sau". Trước khi duyệt mua mới, đơn vị bắt buộc phải tra cứu danh mục tài sản nhân rồi hoặc chưa dùng hết công suất. Cơ chế này chỉ vận hành hiệu quả khi dữ liệu liên thông và thẩm quyền điều chuyển được thể chế hóa rõ ràng.

Thứ tư, phần mềm quản lý phải đóng vai trò công cụ quản trị thay vì sổ sách điện tử. Hệ thống cần tích hợp tính năng tự động cảnh báo các yếu tố rủi ro như đến hạn bảo trì, tài sản ít sử dụng hay biến động chưa cập nhật. Báo cáo dạng tổng quan (Dashboard) cho lãnh đạo nên tập trung hiển thị chỉ số hiệu suất thay vì dữ liệu mô tả thuần túy.

Thứ năm, tái định hình công tác kiểm tra dựa trên rủi ro. Thay vì kiểm tra dàn trải, cần tập trung vào các đơn vị có dấu hiệu bất thường như dữ liệu cập nhật chậm, chi phí sửa chữa tăng đột biến hay tỷ lệ khai thác thấp. Yêu cầu khắc phục sau kiểm tra phải được theo dõi sát sao và gắn với trách nhiệm người đứng đầu.

Thứ sáu, việc nâng cao năng lực cán bộ phải đi đôi với chuẩn hóa công việc. Đào tạo không chỉ dừng ở thao tác phần mềm mà phải nâng cao kỹ năng đọc dữ liệu, đánh giá vòng đời và nhận diện rủi ro. Chỉ khi đội ngũ hiểu rõ mục tiêu quản trị của dữ liệu, chuyển đổi số mới tạo ra thay đổi thực chất.

Bảng 3. Thứ tự ưu tiên quản trị giai đoạn 2026-2030

Mức ưu tiên	Nội dung	Sản phẩm đầu ra	Chỉ báo theo dõi
1	Chuẩn hóa danh mục và trách nhiệm cập nhật dữ liệu	Mã định danh; bộ trường dữ liệu; quy trình cập nhật	Tỷ lệ hồ sơ đầy đủ; sai lệch sau kiểm kê
2	Quản lý bảo trì theo vòng đời và rủi ro	Kế hoạch bảo trì; hồ sơ lịch sử sửa chữa	Tỷ lệ bảo trì đúng kế hoạch; thời gian ngừng hoạt động
3	Cơ chế dùng chung và điều chuyển trước mua mới	Danh mục tài sản dùng chung; quy trình tra cứu	Số tài sản điều chuyển; giá trị mua sắm tránh được
4	Nền tảng số tập trung và dashboard quản trị	Phần mềm dùng chung; cảnh báo; báo cáo trực tuyến	Tỷ lệ cập nhật đúng hạn; số cảnh báo được xử lý
5	Kiểm tra dựa trên rủi ro và trách nhiệm giải trình	Ma trận rủi ro; hồ sơ theo dõi khắc phục	Tỷ lệ kiến nghị hoàn thành; số tồn đọng quá hạn

Nguồn: Đề xuất của nhóm tác giả.

4. Kết luận

Nhìn chung, nghiên cứu cho thấy các cơ quan Đảng TP. Đồng Nai đã đạt kết quả tích cực về quy chế, quy trình và kiểm kê, nhưng hiệu quả sử dụng tài sản chưa tăng tương xứng với mức độ tuân thủ. Hạn chế tập trung ở dữ liệu phân tán, thiếu phần mềm dùng chung, năng lực số của cán bộ, bảo trì bị động và điều chuyển tài sản chưa hiệu quả. Vì vậy, trọng tâm cải cách không phải là bổ sung thêm thủ tục, mà là kết nối quy chế với dữ liệu, trách nhiệm và quyết định vòng đời.

Đóng góp của nghiên cứu nằm ở việc nhận diện “khoảng cách tuân thủ - hiệu quả” như một vấn đề quản trị. Khung này có thể được sử dụng để đánh giá các cơ quan công khác trong bối cảnh sắp xếp tổ chức và chuyển đổi số. Tuy nhiên, nghiên cứu sử dụng thống kê mô tả và phạm vi một địa phương nên không khẳng định quan hệ nhân quả. Các nghiên cứu tiếp theo có thể mở rộng mẫu, so sánh giữa khối cơ quan Đảng và cơ quan hành chính, hoặc xây dựng mô hình định lượng đo tác động của chất lượng dữ liệu, năng lực cán bộ và quản lý vòng đời đến hiệu quả sử dụng tài sản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

- Batac, T., Brown, K., Brito, R. S., Cranston, I., & Mizutani, T. (2021). An enabling environment for asset management through public policy: The benefits of standardization and application to the water sector. *Water*, 13(24), 3524. <https://doi.org/10.3390/w13243524>
- Chính phủ. (2026). Nghị định số 52/2026/NĐ-CP ngày 02/02/2026 quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Da Silva, R. F., & De Souza, G. F. M. (2022). Modeling a maintenance management framework for asset management based on ISO 55000 series guidelines. *Journal of Quality in Maintenance Engineering*, 28(4), 915-937. <https://doi.org/10.1108/JQME-08-2020-0082>
- Hood, C. (1991). A public management for all seasons? *Public Administration*, 69(1), 3-19. <https://doi.org/10.1111/j.1467-9299.1991.tb00779.x>
- International Organization for Standardization - ISO (2024). ISO 55000:2024 asset management-Vocabulary, overview and principles. ISO, <https://www.iso.org/standard/83053.html>
- Meyer, J. W., & Rowan, B. (1977). Institutionalized organizations: Formal structure as myth and ceremony. *American Journal of Sociology*, 83(2), 340-363. <http://dx.doi.org/10.1086/226550>
- Moore, M. H. (1995). *Creating public value: Strategic management in government*. Harvard University Press. [https://doi.org/10.1016/S1096-7494\(00\)87438-3](https://doi.org/10.1016/S1096-7494(00)87438-3)
- Pais, E., Cardoso, A. J. M., & Farinha, J. T. (2020). Optimizing the life cycle of physical assets-A review. *WSEAS Transactions on Systems and Control*, 15, 417-431. <https://doi.org/10.37394/23203.2020.15.42>
- Quốc hội. (2017). Luật số 15/2017/QH14: Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, ban hành ngày 21/6/2017.
- Scott, W. R. (2014). *Institutions and organizations: Ideas, interests, and identities* (4th ed.). SAGE Publications.